

Hà Nội, ngày 28 tháng 09 năm 2026

### **Kính gửi: Các đơn vị có chức năng thẩm định giá**

Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (NXBGDVN) xin gửi tới Quý công ty lời chào trân trọng và hợp tác.

Hiện nay NXBGDVN đang triển khai các thủ tục lựa chọn tổ chức tư vấn có đủ điều kiện, năng lực kinh nghiệm, có chức năng thẩm định giá để khảo sát, xác định đơn giá trong công tác in sách giáo dục (SGD) đảm bảo phù hợp với giá thị trường, tuân thủ quy định của pháp luật về giá, thẩm định giá và các quy định của pháp luật hiện hành.

#### **1. Phạm vi công việc**

- Căn cứ quy định của pháp luật về Giá; Luật Doanh nghiệp; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; Luật Đấu thầu; Luật chứng khoán và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành các Luật nêu trên;

- Căn cứ các quy định khác của pháp luật có liên quan;

Trên cơ sở các quy định pháp luật nêu trên và các quy định pháp luật có liên quan, tổ chức có chức năng thẩm định giá lựa chọn phương pháp thẩm định giá phù hợp để khảo sát, xác định đơn giá dịch vụ in SGD theo yêu cầu của NXBGDVN tại **Phụ lục 01** kèm theo Công văn này, bao gồm:

+ Đơn giá công in (tính cho khổ sách 19x26,5cm) là đơn giá bao gồm: chi phí vật tư (giấy, hộp các tông), chi phí chế bản (sắp chữ, can hình, phim..), chi phí ra kẽm, chi phí in (in ruột, in bìa, in hộp...) và chi phí hoàn thiện sau in (gấp, đóng, vào bìa, xén, đóng hộp, tiền băng dính hộp, bóc xếp...) và các chi phí cần thiết khác (nếu có).

+ Đơn giá vận chuyển quy đổi trên trang thành phẩm (... đồng/trang thành phẩm khổ 19x26,5cm). Đơn giá chi tiết cho việc vận chuyển sách thành phẩm với các cự li: Dưới 100km; từ 100 đến dưới 200km; từ 200 đến dưới 300km; từ 300km trở lên. Đơn giá vận chuyển tới kho sách của NXBGDVN đã bao gồm: lệ phí đường, vé cầu phà.

+ Đơn giá công dán tem chống giả (tem do NXBGDVN cung cấp) vào bìa 4 (...đồng/tem).

Các đơn giá nêu trên đã bao gồm tất cả các loại: chi phí nguyên vật liệu đầu vào, bù hao (nếu có), nhân công và thuế, phí theo quy định của Nhà nước.

#### **2. Yêu cầu công việc**

Tổ chức có chức năng thẩm định giá thực hiện các công việc đảm bảo các yêu cầu sau:

- Tính khách quan trong việc đánh giá và phát hành báo cáo;
- Bố trí đầy đủ các chuyên gia có kinh nghiệm chuyên môn phù hợp để thực hiện nhiệm vụ tư vấn thẩm định giá;
- Có trách nhiệm giải trình hoặc cung cấp các thông tin, số liệu liên quan đến báo cáo phân tích, đánh giá do tư vấn lập với NXBGDVN và hỗ trợ, phối hợp với NXBGDVN giải trình với các cơ quan quản lý Nhà nước trong và sau quá trình thực hiện thẩm định giá (nếu có);
- Bảo mật thông tin về NXBGDVN; lưu trữ hồ sơ, tài liệu NXBGDVN cung cấp;
- Cùng bàn bạc và đi đến thống nhất trước khi quyết định các vấn đề quan trọng liên quan đến phạm vi công việc;
- Đảm bảo tiến độ công việc và tiến độ nộp báo cáo: **Tối đa 15 ngày** kể từ ngày NXBGDVN cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu cần thiết phục vụ công tác thẩm định giá theo yêu cầu bằng văn bản của đơn vị thẩm định giá (trừ trường hợp phát sinh tình huống, lí do khách quan, bất khả kháng). NXBGDVN khuyến khích đơn vị thẩm định giá tích cực phối hợp với NXBGDVN để đẩy nhanh tiến độ triển khai công việc hoàn thành sớm hơn quy định nêu trên (nếu khả thi và phù hợp với kế hoạch).
- Quy mô khảo sát: Lựa chọn khảo sát giá của các đơn vị có nhiều kinh nghiệm và uy tín trong lĩnh vực in ấn các loại xuất bản phẩm. Quy mô khảo sát tối thiểu là các nhà in đã trúng các gói thầu của NXBGDVN tổ chức theo hình thức đấu thầu rộng rãi giai đoạn từ năm 2023 đến nay.

Với mong muốn hợp tác để cùng phát triển, NXBGDVN đề nghị Quý công ty quan tâm, chào giá gói dịch vụ nêu trên. Mức giá chào bao gồm đầy đủ thuế, phí, lệ phí (nếu có) và các chi phí để thực hiện gói dịch vụ.

**Hồ sơ chào giá bao gồm (nhưng không giới hạn) các nội dung như sau:**

1. Thư chào giá dịch vụ và thuyết minh các chi phí trong giá chào dịch vụ (tham khảo mẫu đính kèm – **phụ lục 02**);
2. Hồ sơ năng lực Công ty, tối thiểu gồm các tài liệu sau:
  - Giới thiệu chung về công ty (bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung: sơ đồ tổ chức, năng lực, kinh nghiệm, giới thiệu quy trình nghiệp vụ (nếu có) ...);
  - Giấy phép hành nghề thẩm định giá (bản sao);
  - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao);
  - Bảng kê khai, giới thiệu về nhân sự thẩm định giá (bao gồm tối thiểu các nội dung: Danh sách các thẩm định viên có chứng chỉ hành nghề thẩm định về giá đang công tác tại Công ty, trình độ học vấn, số năm công tác, kinh nghiệm) – đính kèm Bản sao thẻ thẩm định viên về giá của các nhân sự kê khai;
  - Tối thiểu 02 hợp đồng tương tự (như Hợp đồng thẩm định giá tài sản, dịch vụ, hàng hóa, xác định đơn giá...) từ năm 2023 trở lại đây trong đó có 01 Hợp đồng có giá

trị tối thiểu bằng 50% giá dịch vụ đơn vị chào (Tài liệu chứng minh (bản sao): Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu Thanh lý và/hoặc hóa đơn tài chính và/hoặc văn bản xác nhận của chủ đầu tư về việc đã hoàn thành hợp đồng);

- Báo cáo tài chính hoặc báo cáo thuế năm 2023; 2024; 2025: Bản sao;
- Bản cam kết không vi phạm về Uy tín của nhà cung cấp từ năm 2023 đến thời điểm kết thúc nhận báo giá, bao gồm: không đối chiếu tài liệu, không thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc có quyết định trúng thầu/trúng gói thầu/gói mua sắm nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng (trừ các trường hợp bất khả kháng); Có hợp đồng tương tự bỏ dở do lỗi của nhà cung cấp.

3. Thời hạn có hiệu lực của Hồ sơ chào giá: Tối thiểu 180 ngày.

***Lưu ý:** Hồ sơ chào giá là bản cứng (có đóng dấu) để trong bì thư phải nguyên niêm phong, ngoài bì thư đựng HSCG ghi rõ: “BÁO GIÁ DỊCH VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ” và “TÊN NHÀ CUNG CẤP”. Nếu nhà cung cấp nộp trực tiếp đề nghị nhà cung cấp chuẩn bị sẵn giấy giới thiệu cán bộ đến nộp, bản sao CCCD của cán bộ đến nộp.*

NXBGDVN cam kết về việc bảo mật những thông tin (hồ sơ) mà Quý công ty cung cấp và chỉ sử dụng những thông tin này nhằm mục đích khảo sát, đánh giá để xác định giá dịch vụ cần mua sắm và danh sách các nhà cung cấp tiềm năng đáp ứng được đầy đủ các tiêu chuẩn tối thiểu mà NXBGDVN đề ra theo **phụ lục 03** đính kèm thư mời này, từ đó làm cơ sở để NXBGDVN đưa ra quyết định hình thức lựa chọn và triển khai lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ thẩm định giá.

Quý công ty vui lòng gửi hồ sơ chào giá về NXBGDVN trong giờ hành chính các ngày làm việc **trước 17h00 ngày 01/10/2026** theo địa chỉ sau:

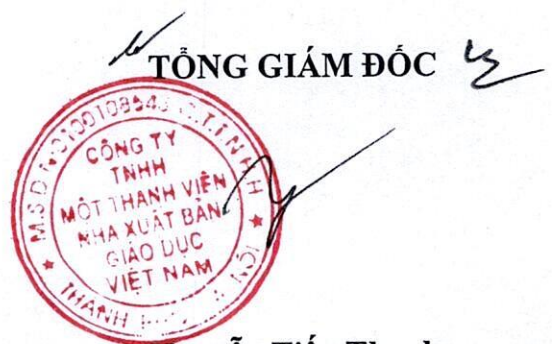
- Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (Ban Tài chính Kế toán)
- Tầng 9 - Số 81, Trần Hưng Đạo - Phường Cửa Nam - TP. Hà Nội.
- Đầu mối liên hệ: Ban Tài chính Kế toán (số điện thoại: 0983 195 468)
- Thời gian mở Hồ sơ chào giá: **Trong vòng 01 giờ kể từ thời điểm kết thúc nhận hồ sơ chào giá.**
- Hình thức mở Hồ sơ chào giá: Trực tiếp tại trụ sở NXBGDVN - Số 81, Trần Hưng Đạo - Phường Cửa Nam - TP. Hà Nội.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- TGD (để báo cáo);
- KTT, CVP;
- Ban: TC-KT, KHSXKD, KTNB&PC;
- P-Office;
- Đăng website <https://nxbgd.vn/>;

- Lưu: VT.



## PHỤ LỤC 01: THÔNG TIN VỀ NỘI DUNG CÔNG VIỆC

(Đính kèm công văn số 1686 /NXBGDVN ngày 28/09/2026 của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam)

Tổ chức có chức năng thẩm định giá lựa chọn phương pháp thẩm định giá phù hợp để khảo sát, xác định đơn giá dịch vụ in sách giáo dục (SGD), đơn giá bốc xếp vận chuyển, bảo đảm phù hợp với giá thị trường và tuân thủ quy định của pháp luật về giá, thẩm định giá và các quy định pháp luật có liên quan.

### A. YÊU CẦU VỀ SẢN PHẨM

Báo cáo, chứng thư thẩm định giá phải bao gồm các nội dung sau

#### I. ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ IN SÁCH GIÁO DỤC

**Đơn giá dịch vụ in** cho công đoạn in và hoàn thiện sau in, bao gồm: chi phí vật tư (giấy, hộp các tông), chi phí chế bản (sắp chữ, can hình, phim..), chi phí ra kẽm, chi phí in (in ruột, in bìa, in hộp...) và chi phí hoàn thiện sau in (gấp, đóng, vào bìa, xén, đóng hộp, tiền băng dính hộp, bốc xếp...) và các chi phí cần thiết khác (nếu có).

**Biểu giá công in và hoàn thiện sau in tính cho khổ sách 19x26,5 cm**

| Số bản | PHAY GẤY               |       |       |                     |     |     |     | ĐÓNG LÔNG              |       |       |                     |     |     |     |
|--------|------------------------|-------|-------|---------------------|-----|-----|-----|------------------------|-------|-------|---------------------|-----|-----|-----|
|        | Ruột sách (đồng/trang) |       |       | Bìa sách (đồng/bìa) |     |     |     | Ruột sách (đồng/trang) |       |       | Bìa sách (đồng/bìa) |     |     |     |
|        | 1 màu                  | 2 màu | 4 màu | 4/0                 | 4/1 | 4/2 | 4/4 | 1 màu                  | 2 màu | 4 màu | 4/0                 | 4/1 | 4/2 | 4/4 |
| 500    |                        |       |       |                     |     |     |     |                        |       |       |                     |     |     |     |
| 1.000  |                        |       |       |                     |     |     |     |                        |       |       |                     |     |     |     |
| 1.500  |                        |       |       |                     |     |     |     |                        |       |       |                     |     |     |     |
| 2.000  |                        |       |       |                     |     |     |     |                        |       |       |                     |     |     |     |
| 3.000  |                        |       |       |                     |     |     |     |                        |       |       |                     |     |     |     |
| 4.000  |                        |       |       |                     |     |     |     |                        |       |       |                     |     |     |     |
| 5.000  |                        |       |       |                     |     |     |     |                        |       |       |                     |     |     |     |
| 6.000  |                        |       |       |                     |     |     |     |                        |       |       |                     |     |     |     |
| 7.000  |                        |       |       |                     |     |     |     |                        |       |       |                     |     |     |     |
| 8.000  |                        |       |       |                     |     |     |     |                        |       |       |                     |     |     |     |
| 9.000  |                        |       |       |                     |     |     |     |                        |       |       |                     |     |     |     |
| 10.000 |                        |       |       |                     |     |     |     |                        |       |       |                     |     |     |     |

**Yêu cầu thuyết minh:** Đối với từng mức sản lượng, báo cáo thẩm định giá cần thể hiện hoặc thuyết minh tỷ trọng của các cấu phần chi phí chủ yếu trong đơn giá công in, gồm: chi phí vật tư (giấy in ruột, giấy in bìa, hộp các tông), chi phí công in và các chi phí chủ yếu khác có liên quan.

#### Công việc của Nhà in:

+ Nhà in tự chuẩn bị vật tư chính (giấy in ruột, giấy in bìa, hộp các tông) theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật do NXBGDVN yêu cầu (tại Quyết định số 603/QĐ-NXBGDVN, Quyết định số 01/QĐ-NXBGDVN, Quyết định số 02/QĐ-NXBGDVN), các vật tư cần thiết khác,

+ Thực hiện in, hoàn thiện sau in, đóng gói, quản lý dữ liệu in đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Quyết định số 02/QĐ-NXBGDVN, phối hợp kiểm tra chất lượng; bàn giao sản phẩm hoàn chỉnh đúng chủng loại, số lượng, chất lượng, quy định tại theo Quyết định số 268/QĐ-NXBGDVN ngày 18/4/2025 của NXBGDVN về việc ban hành Quy định kiểm tra chất lượng in SGD của NXBGDVN.

+ Đảm nhiệm việc bốc xếp thành phẩm tại kho Nhà in và vận chuyển thành phẩm từ kho Nhà in đến kho NXBGD.

## **II. GIÁ BỐC XẾP, VẬN CHUYỂN TÍNH CHO KHỔ SÁCH 19x26,5 CM**

Đơn giá bốc xếp, vận chuyển: bao gồm công bốc xếp sách thành phẩm từ nhà in lên phương tiện vận chuyển và chi phí vận chuyển sách thành phẩm từ nhà in đến kho của NXBGDVN hoặc đơn vị đầu mối do NXBGDVN chỉ định. Đơn giá đã bao gồm các chi phí liên quan đến quá trình vận chuyển như: phí sử dụng đường bộ, phí cầu, phà và các khoản phí hợp pháp khác có liên quan.

NXBGDVN hoặc đơn vị đầu mối nhận hàng chịu trách nhiệm tổ chức và thanh toán chi phí bốc xếp sách thành phẩm từ phương tiện vận chuyển vào kho.

| STT | Khoảng cách               | Đơn giá vận chuyển<br>(đồng/trang thành phẩm) |
|-----|---------------------------|-----------------------------------------------|
| 1   | Dưới 100 km               |                                               |
| 2   | Từ 100 km đến dưới 200 km |                                               |
| 3   | Từ 200 km đến dưới 300 km |                                               |
| 4   | Từ 300 km trở lên         |                                               |

## **III. ĐƠN GIÁ CÔNG DÁN TEM CHỐNG GIẢ**

Đơn giá công dán tem chống hàng giả (tem do NXBGDVN cung cấp) vào bìa 4: .....  
đồng/tem

*Lưu ý: Các đơn giá từ mục I đến mục III đã bao gồm tất cả các loại: chi phí nguyên vật liệu đầu vào, bù hao (nếu có), nhân công và thuế, phí theo quy định của Nhà nước.*

## **B. YÊU CẦU VỀ QUY MÔ KHẢO SÁT**

Việc khảo sát giá được thực hiện đối với các đơn vị có năng lực, kinh nghiệm và uy tín trong lĩnh vực in ấn xuất bản phẩm.

Quy mô khảo sát tối thiểu bao gồm các nhà in đã trúng các gói thầu in xuất bản phẩm do NXBGDVN tổ chức theo hình thức đấu thầu rộng rãi trong giai đoạn từ năm 2023 đến thời điểm thực hiện khảo sát.

Ngoài các đơn vị nêu trên, tổ chức thẩm định giá có thể khảo sát thêm các đơn vị khác có đủ năng lực, kinh nghiệm và điều kiện phù hợp nhằm bảo đảm thông tin khảo sát có tính khách quan, đại diện và phù hợp với mặt bằng giá thị trường.

## PHỤ LỤC 02: MẪU THUYẾT MINH PHÍ DỊCH VỤ

(Đính kèm công văn số ~~16~~ <sup>16</sup> /NXBGDVN ngày 28/09/2026 của Công ty TNHH MTV  
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam)

### 1. BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ

|                                                                       |                               |
|-----------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
| Thù lao cho chuyên gia                                                | (A)                           |
| Chi phí khác cho chuyên gia                                           | (B)                           |
| Chi phí hạng mục công việc dựa trên đơn giá và khối lượng<br>(nếu có) | (M)                           |
| <b>Tổng chi phí</b>                                                   | <b><math>A + B + M</math></b> |

### 2. BẢNG PHÂN TÍCH CHI PHÍ THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA

| STT | Họ tên chuyên gia | Chức danh | Địa điểm làm việc | Lương cơ bản | Chi phí xã hội <sup>1</sup><br>% của (3) | Chi phí quản lý chung <sup>2</sup><br>% của (3) | Cộng<br>(3)+(4)+(5) | Lợi nhuận<br>% của (6) | Phụ cấp xa nhà | Thù lao cho chuyên gia/tháng<br>(ngày)<br>(6)+(7)<br>+(8) |
|-----|-------------------|-----------|-------------------|--------------|------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------|------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------|
|     | (1)               | (1a)      | (2)               | (3)          | (4)                                      | (5)                                             | (6)                 | (7)                    | (8)            | (9)                                                       |
| 1   | Nguyễn Văn A      |           | Công ty           |              |                                          |                                                 |                     |                        |                |                                                           |
|     |                   |           | Thực địa          |              |                                          |                                                 |                     |                        |                |                                                           |
| ... |                   |           | Công ty           |              |                                          |                                                 |                     |                        |                |                                                           |
|     |                   |           | Thực địa          |              |                                          |                                                 |                     |                        |                |                                                           |

### 3. CHI PHÍ KHÁC CHO CHUYÊN GIA

| Stt | Miêu tả        | Đơn vị tính | Chi phí/đơn vị<br>(1) | Số lượng<br>(2) | Chi phí<br>(3) |
|-----|----------------|-------------|-----------------------|-----------------|----------------|
| 1   | [Công tác phí] | [Ngày]      |                       |                 | (1)x(2)        |

<sup>1</sup> Chi phí xã hội: bao gồm các chi phí như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật hiện hành;

<sup>2</sup> Chi phí quản lý chung: là chi phí chung của nhà cung cấp không liên quan trực tiếp đến việc thực hiện gói thầu được tính theo đầu người, bao gồm các chi phí như: chi phí thuê trụ sở, điện nước, truyền thông, nghiên cứu phát triển...

|                     |                                 |          |  |  |            |
|---------------------|---------------------------------|----------|--|--|------------|
| 2                   | [Chuyến bay]                    | [Chuyến] |  |  |            |
| 3                   | [Chi phí liên lạc]              |          |  |  |            |
| 4                   | [Thiết bị, tài liệu...]         |          |  |  |            |
| 5                   | [Chi phí đi lại trong nước]     |          |  |  |            |
| 6                   | [Thuê văn phòng, thư ký hỗ trợ] |          |  |  |            |
| 7                   | [Đào tạo nhân sự]               |          |  |  |            |
| <b>Tổng chi phí</b> |                                 |          |  |  | <b>(B)</b> |

#### 4. CHI PHÍ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC DỰA TRÊN ĐƠN GIÁ VÀ KHỐI LƯỢNG (nếu có)

| Stt              | Mô tả công việc | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá<br>(bao gồm VAT) | Thành tiền<br>(bao gồm VAT) |
|------------------|-----------------|-------------|------------|--------------------------|-----------------------------|
| (1)              | (2)             | (3)         | (4)        | (5)                      | (6) = (4) x (5)             |
| 1                |                 |             |            |                          |                             |
| 2                |                 |             |            |                          |                             |
| ...              |                 |             |            |                          |                             |
| <b>Tổng cộng</b> |                 |             |            |                          | <b>M</b>                    |

...., ngày....tháng...năm...

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp**  
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

### PHỤ LỤC 03: TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ CHÀO GIÁ

(Đính kèm công văn số 1686 /NXBGDVN ngày 28/09/2026 của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam)

| STT | Tiêu chuẩn                                                                                                                                                                                | Mức yêu cầu tối thiểu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | <b>Kinh nghiệm và năng lực của nhà cung cấp</b>                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 1.1 | Kinh nghiệm chung về lĩnh vực tư vấn tài chính                                                                                                                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các doanh nghiệp thẩm định giá được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật và được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá và thẩm định giá và có tên trong thông báo của Bộ Tài chính về doanh nghiệp thẩm định giá năm 2025.</li> <li>- Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm.</li> <li>- Không nằm trong diện giải thể, phá sản, tổ chức lại hoặc kiểm soát đặc biệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</li> </ul> |
|     | Tài liệu chứng minh: Hồ sơ giới thiệu năng lực của Công ty, giới thiệu quy trình nghiệp vụ (nếu có), Giấy ĐKKD, Giấy phép hành nghề thẩm định giá và các tài liệu liên quan khác (nếu có) |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 1.2 | Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự trong khoảng thời gian từ năm 2023 trở lại đây.                                                                                                   | Tối thiểu 02 hợp đồng tương tự (như Hợp đồng thẩm định giá tài sản, dịch vụ, hàng hóa, xác định đơn giá...) từ năm 2023 trở lại đây trong đó có 01 Hợp đồng có giá trị tối thiểu bằng 50% giá dịch vụ đơn vị chào                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|     | Tài liệu chứng minh: Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu Thanh lý hoặc hóa đơn tài chính hoặc văn bản xác nhận của chủ đầu tư về việc đã hoàn thành hợp đồng.                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 1.3 | Uy tín của nhà cung cấp                                                                                                                                                                   | Có bản cam kết không vi phạm về Uy tín của nhà cung cấp từ năm 2023 đến thời điểm kết thúc nhận báo giá, bao gồm: không đối chiếu tài liệu, không thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc có quyết định trúng thầu/trúng gói thầu/gói mua sắm nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng (trừ các trường hợp bất khả kháng); Có hợp đồng tương tự bỏ dở do lỗi của nhà cung cấp.                                                                                                                                                                         |

| STT | Tiêu chuẩn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mức yêu cầu tối thiểu                                                                                                                                                                                                                |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.4 | Năng lực tài chính của nhà cung cấp:                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Lợi nhuận sau thuế: 2023; 2024; 2025 >0                                                                                                                                                                                              |
|     | Tài liệu chứng minh: Báo cáo tài chính hoặc báo cáo thuế năm 2023; 2024; 2025                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                      |
| 2   | Nhân sự                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                      |
|     | Số lượng và năng lực nhân sự                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Có tối thiểu 05 thẩm định viên có thể thẩm định viên về giá còn hiệu lực, tốt nghiệp đại học trở lên. Trong đó, tối thiểu 2 thẩm định viên có kinh nghiệm từ 60 tháng trở lên (tính từ thời điểm được cấp thẻ thẩm định viên về giá) |
|     | Tài liệu chứng minh: Bảng kê khai, giới thiệu về nhân sự thẩm định giá (bao gồm tối thiểu các nội dung: Danh sách các thẩm định viên có chứng chỉ hành nghề thẩm định về giá đang công tác tại Công ty, trình độ học vấn, số năm công tác, kinh nghiệm) – đính kèm Bản sao thẻ thẩm định viên về giá của các nhân sự kê khai; |                                                                                                                                                                                                                                      |
| 3   | Giá dịch vụ, tiến độ thực hiện công việc                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                      |
|     | Tài liệu đính kèm: Thư chào giá dịch vụ của nhà cung cấp                                                                                                                                                                                                                                                                      | Giá chào dịch vụ hợp lý (đã bao gồm đầy đủ các loại chi phí, thuế, lệ phí... để phục vụ công tác thẩm định giá) và tiến độ phù hợp với yêu cầu của NXBGDVN                                                                           |